

Số: /2017/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

Dự thảo

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức
và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Pháp lệnh Công an xã ngày 21 tháng 11 năm 2008;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể

1. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh công chức cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 3 do Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định phù hợp với các yếu tố đặc thù của từng loại đơn vị hành chính ở nông thôn, đô thị, hải đảo.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với các chức danh này.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“Điều 8. Ưu tiên trong tuyển dụng

1. Đối tượng và thứ tự ưu tiên trong thi tuyển hoặc xét tuyển công chức như sau:

- a) Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động;
- b) Thương binh;
- c) Người hưởng chính sách như thương binh;
- d) Con liệt sĩ;
- đ) Con thương binh;
- e) Con của người hưởng chính sách như thương binh;
- g) Người dân tộc ít người;
- h) Đội viên thanh niên xung phong;
- i) Đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ;
- k) Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự;
- l) Người dự tuyển là nữ.

2. Trường hợp có từ 2 người trở lên có kết quả thi bằng nhau ở chỉ tiêu chức danh công chức cần tuyển dụng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này.

Trường hợp người dự thi tuyển hoặc dự xét tuyển công chức cấp xã thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 1 Điều này thì được tính theo thứ tự ưu tiên cao nhất”

3. Sửa đổi Khoản 1 Điều 10 như sau:

“Điều 10. Hội đồng tuyển dụng

- 1. Hội đồng tuyển dụng công chức có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:
 - a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng Phòng Nội vụ;
 - c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức thuộc Phòng Nội vụ;
 - d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn cấp huyện có liên quan.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 11, Điều 12 thành Điều 11 mới như sau:

“Điều 11 (mới). Nội dung, hình thức và thời gian thi

Thi tuyển công chức được thực hiện theo 2 vòng như sau:

- 1. Vòng 1: Thi trắc nghiệm

a) Nội dung thi trắc nghiệm gồm 2 phần:

- Phần I. Kiến thức chung 60 câu hỏi về hệ thống chính trị, tổ chức bộ máy của Đảng, Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội; quản lý hành chính nhà nước; chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về ngành, lĩnh vực tương ứng với chức danh công chức cần tuyển dụng. Thời gian thi 60 phút.

- Phần II. Tin học 30 câu hỏi theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng. Thời gian 30 phút.

b) Việc miễn môn thi tin học

Miễn thi tin học đối với các trường hợp có bằng tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành công nghệ thông tin trở lên.

c) Kết quả thi vòng 1 được xác định theo số câu hỏi trả lời đúng cho từng phần thi quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, nếu trả lời đúng trên 50% số câu hỏi cho từng phần thi thì người dự tuyển được thi tiếp vòng 2 theo quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Vòng 2: Thi môn nghiệp vụ, chuyên ngành

a) Nội dung thi: Đánh giá hiểu biết, năng lực, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng.

Trong cùng một kỳ thi tuyển, nếu có các vị trí chức danh công chức yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức xây dựng các đề thi môn nghiệp vụ chuyên ngành khác nhau đảm bảo phù hợp với chức danh công chức cần tuyển.

b) Hình thức và thang điểm thi: Thi viết, thời gian thi 120 phút”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

“Điều 13. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức phải có điểm thi vòng 2 quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định này đạt từ 50 điểm trở lên và lấy theo thứ tự điểm thi vòng 2 từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu tuyển dụng của chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi vòng 2 bằng nhau ở cùng chức danh công chức cần tuyển dụng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này để xác định người trúng tuyển; trường hợp có 02 người cùng thứ tự ưu tiên thì người có nhiều

ưu tiên sẽ được tuyển dụng; nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 14, Điều 15 thành Điều 14 mới như sau:

“Điều 14 (mới). Nội dung và hình thức xét tuyển

1. Đối với các chức danh Văn phòng-thống kê, Địa chính – xây dựng- đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính-nông nghiệp-xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính-kế toán, Tư pháp-Hộ tịch, Văn hoá-xã hội. Thực hiện xét tuyển công chức qua 2 vòng như sau:

a) Vòng 1:

Kiểm tra văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập của người dự tuyển, nếu phù hợp với yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển dụng thì người dự tuyển được dự thi vòng 2 quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp người dự xét tuyển có trình độ đào tạo cao hơn so với trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh công chức cần tuyển dụng thì cũng được đưa vào đối tượng kiểm tra theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Vòng 2: Phỏng vấn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của dự tuyển. Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã và Trưởng Công an xã: xét các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Nghị định này”.

7. Sửa đổi, bổ sung Khoản 1, Khoản 2 Điều 16 như sau:

“Điều 16. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức phải có điểm phỏng vấn quy định tại Khoản 2 Điều 14 Nghị định này đạt từ 50 trở lên và lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi vòng 2 bằng nhau ở cùng chức danh công chức cần tuyển dụng thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ theo thứ tự ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này để xác định người trúng tuyển; trường hợp có 2 người cùng thứ tự ưu tiên thì người có nhiều ưu tiên sẽ được tuyển dụng; nếu vẫn không xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền quyết định người trúng tuyển.

8. Bổ sung vào sau Khoản 4 Điều 20 như sau:

“Điều 20. Thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc

4. Trường hợp người trúng tuyển vào công chức cấp xã không đến nhận việc sau thời hạn quy định tại khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng, đồng thời ra quyết định *tuyển dụng đối với người đủ điều kiện trúng tuyển có điểm thi thấp hơn liền kề*.

Thông báo kết quả tuyển dụng, thời hạn ra quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với người đủ điều kiện trúng tuyển có điểm thi thấp hơn liền kề được thực hiện theo Khoản 1, Khoản 3 Điều 19 và Khoản 3 Điều 20 của Nghị định này”.

9. Sửa đổi Khoản 3 và bổ sung Khoản 4 Điều 21 như sau:

“Điều 21. Trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng

3. Việc tiếp nhận vào công chức đối với các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch.

a) Hội đồng kiểm tra, sát hạch có 05 đến 07 thành viên, bao gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Một ủy viên là Trưởng phòng Nội vụ

- Một ủy viên là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tiếp nhận

- Các ủy viên khác là đại diện một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan, trong đó có ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng.

b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch

- Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cần tuyển;

- Sát hạch về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận. Hình thức và nội dung sát hạch do Hội đồng kiểm tra, sát hạch căn cứ vào yêu cầu chức danh công chức cần tuyển, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định trước khi tổ chức sát hạch;

- Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc theo nguyên tắc tập thể, biểu quyết theo đa số và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Công chức cấp xã được bầu vào chức vụ cán bộ cấp xã khi thôi đảm nhiệm chức vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí sang làm công

chức cấp xã khi có điều kiện, tiêu chuẩn và vị trí chức danh còn thiếu phù hợp. Trường hợp không đủ các điều kiện, tiêu chuẩn như trên thì giải quyết chế độ, chính sách theo quy định hiện hành.

Điều 2: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“Điều 4. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã

Phương án I:

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; cụ thể như sau:

- a) Cấp xã loại 1: không quá 25 người;
- b) Cấp xã loại 2: không quá 22 người;
- c) Cấp xã loại 3: không quá 20 người.

Việc xếp loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí số lượng công chức quy định tại Khoản 1 Điều này bảo đảm đúng với chức danh quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Không nhất thiết xã, phường, thị trấn nào cũng bố trí tối đa số lượng cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã”.

Phương án II:

1. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; cụ thể như sau:

- a) Cấp xã loại 1: không quá 25 người;
- b) Cấp xã loại 2: không quá 23 người;
- c) Cấp xã loại 3: không quá 20 người.

Việc xếp loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định bố trí số lượng công chức quy định tại Khoản 1 Điều này bảo đảm đúng với chức danh quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Không nhất thiết xã, phường, thị trấn nào cũng bố trí tối đa số lượng cán bộ, công chức quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Số lượng cán bộ, công chức cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về cấp xã.

2. Sửa đổi, bổ sung Điểm c Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“c) Cán bộ cấp xã là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động, ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hiện hưởng, hàng tháng được hưởng 100% mức lương bậc 1 của chức danh hiện đảm nhiệm theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này và không phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau

“Điều 9. Phụ cấp theo loại xã

Phương án I;

Bãi bỏ phụ cấp theo loại xã đối với cán bộ cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

Phương án II:

1. Cán bộ cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP được hưởng phụ cấp theo loại đơn vị hành chính cấp xã tính theo % trên mức lương hiện hưởng, cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có); cụ thể như sau:

- a) Cán bộ cấp xã loại 1 hưởng mức phụ cấp 10%;
- b) Cán bộ cấp xã loại 2, 3 hưởng mức phụ cấp 5%.

2. Công chức cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP làm việc ở vùng sâu, vùng xa vùng biên giới hải đảo được hưởng phụ cấp theo loại đơn vị hành chính cấp xã tính theo % trên mức lương hiện hưởng, cụ thể như sau:

- a) Công chức cấp xã loại 1 hưởng mức phụ cấp 10%;
- b) Công chức cấp xã loại 2, 3 hưởng mức phụ cấp 5%.

3. Phụ cấp theo loại đơn vị hành chính cấp xã nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“ Điều 10. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh

Phương án I:

1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có). Cán bộ, công chức cấp xã chỉ kiêm nhiệm 01 chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

2. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Phương án II:

1. Cán bộ, công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định này, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức lương hiện hưởng cộng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung và hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có). Cán bộ, công chức cấp xã chỉ kiêm nhiệm 01 chức danh (kể cả trường hợp Bí thư cấp ủy đồng thời là Chủ tịch Ủy ban nhân dân).

2. Công chức cấp xã kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 50% mức phụ cấp của chức danh đó. Công chức cấp xã chỉ kiêm nhiệm 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

Phương án I:

Điều 13. Số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Cấp xã loại 1 được bố trí tối đa không quá 17 người.
2. Cấp xã loại 2 được bố trí tối đa không quá 15 người.
3. Cấp xã loại 3 được bố trí tối đa không quá 14 người.

Phương án II:

“Điều 13. Chức danh, số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Người người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có các chức danh sau đây:

- a) Phó Chủ tịch Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- b) Phó Chủ tịch Hội nông dân (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);
- c) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- d) Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ;
- đ) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
- e) Thủ quỹ, Văn thư;
- g) Đài truyền thanh, văn hóa, thể thao;
- h) Phó Chỉ huy Quân sự;
- i) Phó Công an;
- k) Trưởng ban thanh tra nhân dân;
- z) Công tác tôn giáo, dân tộc;
- f) Văn phòng Đảng ủy.

6. Sửa đổi, bổ sung và tích hợp Điều 14 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP như sau:

“Điều 14. Phụ cấp và khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Phương án I:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách Trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:

- a) Cấp xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 20,3 mức lương cơ sở;
- b) Cấp xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,6 mức lương cơ sở;;
- c) Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 mức lương cơ sở.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định chức danh người hoạt động không chuyên trách; mức phụ cấp cụ thể của từng chức danh; mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh; mức khoán kinh phí chi trả phụ cấp đối

với người hoạt động không chuyên trách theo loại đơn vị hành chính cấp xã quy định tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định này bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

3. Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Phương án II:

“Điều 14. Phụ cấp và khoán kinh phí đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách Trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:

- a) Cấp xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 20,3 mức lương cơ sở;
- b) Cấp xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,6 mức lương cơ sở;;
- c) Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 mức lương cơ sở.

2. Căn cứ vào quỹ phụ cấp tại Khoản 1 nêu trên và căn cứ vào đặc thù của từng cấp xã, yêu cầu quản lý, nguồn kinh phí chi cho cải cách chính sách tiền lương của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định những nội dung sau:

- a) Quy định cụ thể chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- b) Quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;
- c) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Phương án III:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được hưởng chế độ phụ cấp và chế độ bảo hiểm y tế. Ngân sách Trung ương thực hiện khoán quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã như sau:

- a) Cấp xã loại 1 được khoán quỹ phụ cấp bằng 20,3 mức lương cơ sở;
- b) Cấp xã loại 2 được khoán quỹ phụ cấp bằng 18,6 mức lương cơ sở;;
- c) Cấp xã loại 3 được khoán quỹ phụ cấp bằng 17,6 mức lương cơ sở.

2. Căn cứ vào quỹ phụ cấp tại Khoản 1 nêu trên và căn cứ vào đặc thù của từng cấp xã, yêu cầu quản lý, nguồn kinh phí chi cho cải cách chính sách tiền lương

của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định những nội dung sau:

a) Bố trí số lượng người hoạt động không chuyên trách được tăng thêm theo quy định tại Điểm 1, Khoản 5 Điều 1 của Nghị định này ở cấp xã;

b) Quy định cụ thể về mức phụ cấp của từng chức danh, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

c) Quy định cụ thể mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

7. Sửa đổi Khoản 2 Điều 15 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“2. Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (mức đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014)”.

8. Bổ sung Điều 14 a, sửa đổi và tích hợp Khoản 4 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP và bổ sung Điều 14b của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“Điều 14a. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Phương án I:

1. Thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định này đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố... (thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố... sau đây gọi chung là thôn, tổ dân phố). Mỗi thôn, tổ dân phố được bố trí không quá 03 người. Ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng tháng bằng 3,0 mức lương cơ sở.

2. Các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố không được quy định tại Khoản 1 Điều 14a này thực hiện theo hình thức tự quản, xã hội hóa, không hưởng phụ cấp hàng tháng từ khoản quỹ phụ cấp của Ngân sách Trung ương.

Phương án II:

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có các chức danh sau:

a) Bí thư Chi bộ;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố;

c) Trưởng Ban công tác mặt trận.

2. Chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

Thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Nghị định này đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố... (thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc, tổ dân phố... sau đây gọi chung

là thôn, tổ dân phố). Mỗi thôn, tổ dân phố được Ngân sách Trung ương hỗ trợ hàng tháng bằng 3,0 mức lương cơ sở.

3. Các chức danh khác ở thôn, tổ dân phố ngoài quy định tại Khoản 1 Điều 14a này thực hiện theo hình thức tự quản, xã hội hóa, không hưởng phụ cấp hàng tháng từ khoản quỹ phụ cấp của Ngân sách Trung ương.

Phương án III:

«1. Áp dụng việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Ngân sách Trung ương thực hiện khoản quỹ phụ cấp, bao gồm cả 3% bảo hiểm y tế để chi trả hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi thôn, tổ dân phố như sau:

a) Đối với thôn thuộc xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; thôn thuộc xã biên giới, hải đảo; thôn thuộc xã có khó khăn về ngân sách theo quy định của Bộ Tài chính và thôn thuộc xã loại 1, xã loại 2 được khoản quỹ phụ cấp bằng 5,0 mức lương cơ sở;

b) Đối với các thôn ngoài quy định tại Điểm a Khoản này và các tổ dân phố được khoản quỹ phụ cấp bằng 3,0 mức lương cơ sở ».

“Điều 14b: Xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách

1. Áp dụng việc xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã như quy định đối với công chức cấp xã và quy định tại Điều lệ của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội ở cấp xã (đối với người hoạt động không chuyên trách tham gia các đoàn thể chính trị xã hội ở cấp xã).

2. Các hình thức xử lý kỷ luật đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã:

- a) Khiển trách;
- b) Cảnh cáo;
- c) Buộc thôi việc.

9. Bổ sung Khoản 4 sau Khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và tích hợp Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP như sau:

“4. Những người đã có thời gian làm cán bộ cấp xã trước ngày 01 tháng 01 năm 1998, nếu trong thời gian công tác này mà đảm nhiệm chức danh có quy định tại Nghị định số 09/1998/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 1998 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 50/CP ngày 26 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ về chế độ sinh hoạt phí đối với cán bộ xã, phường, thị trấn và được điều động, tuyển dụng vào quân đội nhân dân, công an nhân dân hoặc vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp của nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì thời gian đảm nhiệm chức danh trước ngày 01 tháng 01 năm 1998 nếu chưa được tính

hưởng trợ cấp hằng tháng hoặc trợ cấp một lần được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội”.

10. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“2. Quỹ Bảo hiểm xã hội bảo đảm kinh phí chi trả các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội cho cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã”.

11. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“2. Bộ Tài chính cân đối kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn, kiểm tra địa phương thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Điều 4 Nghị định này; hướng dẫn việc kiêm nhiệm một số chức danh để bảo đảm các lĩnh vực công tác ở địa phương đều có cán bộ, công chức đảm nhiệm; bố trí, hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng nguồn kinh phí để thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định này và theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp”.

12. Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP như sau:

“2. Áp dụng việc thực hiện chế độ, chính sách quy định tại Nghị định này đối với Bí thư, Phó Bí thư chi bộ (nơi chưa thành lập đảng ủy cấp xã) như Bí thư, Phó Bí thư đảng ủy cấp xã; Thường trực đảng ủy (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng) như Phó Bí thư đảng ủy cấp xã”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2018.

2. Bãi bỏ Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các quy định có liên quan theo quy định tại Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (03b).

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc